

Bản án số: 34/2018/DS-PT
Ngày 2-10-2018
“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng;
Ông Đỗ Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Chiến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thế Nhơn - Kiểm sát viên.

Ngày 2 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án số 70/2017/TLPT-DS ngày 8 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2017/DS -ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 103/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị V; địa chỉ: đường M, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D; địa chỉ: Đường L, tổ 5, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Thị Thùy D ủy quyền cho bà Hà Thị Ngọc Đ (địa chỉ: Đường L, tổ 5, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai) tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 14-12-2017). Bà Hà Thị Ngọc Đ có mặt.

Người làm chứng:

1. Trương Văn C; địa chỉ: 14 đường M, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc H; địa chỉ: Đường L, tổ 5, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Ngọc A; địa chỉ: đường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Đường M, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Bích V; địa chỉ: Đường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thùy D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Đoàn Thị V trình bày:

Ngày 13-10-2014, bà cho chị D vay 730.000.000 đồng do ông Nguyễn Ngọc H, bà Hà Thị Ngọc Đ (cha mẹ đẻ của chị D) là bạn bè thân tình với bà từ lâu. Ban đầu ông H, bà Đ vay tiền của bà, nhưng chưa trả hết nên ông H, bà Đ đề nghị bà cho con gái của họ là chị D vay. Ban đầu, bà không đồng ý, nhưng vì cả nể và thông tin ông H, bà Đ cho chị D lô đất tại tổ 12, phường D, thành phố P là sự thật, chị D có giao cho bà một giấy xác nhận độc thân. Vì vậy, bà đồng ý cho chị D vay 730.000.000 đồng, thời hạn vay là 7 ngày, lãi suất theo thỏa thuận của hai bên, mục đích là để chị D mua căn nhà tại đường H, thành phố P của cụ Từ Thị L. Chị D viết Giấy mượn tiền đề ngày 13-10-2014, có sự chứng kiến của ông H và ông H đã ký tên vào giấy mượn tiền này.

Ngay sau khi chị D viết giấy vay tiền, bà đã giao 730.000.000 đồng cho chị D tại Ngân hàng C chi nhánh Gia Lai có sự chứng kiến của ông H, người giao tiền là chồng của bà, ông Trương Văn C.

Đến hạn, chị D không trả tiền như cam kết. Ban đầu chị D hứa sẽ bán lại cho bà lô đất tại tổ 12, phường D, thành phố P để trừ nợ, nhưng không thực hiện.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị D phải trả 330.000.000 đồng vì tại thời điểm bà khởi kiện, tài sản của chị D chỉ có giá trị khoảng 300.000.000 đồng.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Chị có viết Giấy mượn tiền đề ngày 13-10-2014 để vay bà Đoàn Thị V 730.000.000 đồng, nhằm trả vào khoản vay của ông Nguyễn Ngọc H, bà Hà Thị Ngọc Đ (cha, mẹ đẻ của chị) tại Ngân hàng C, chi nhánh Gia Lai.

Việc viết giấy này là theo yêu cầu của ông H. Sau khi viết giấy, ông Trương Văn C (chồng của bà Đoàn Thị V) đã chuyển tiền tại Ngân hàng C, chi nhánh Gia Lai để trả vào khoản vay của ông H, bà Đ và lấy lại tài sản của cụ Từ Thị L (bà nội của chị) là quyền sở hữu căn nhà tại đường H, thành phố P đã thế chấp đảm bảo cho khoản vay. Theo thỏa thuận ban đầu thì chị sẽ là người đại diện đứng ra mua căn nhà tại đường H, thành phố P, rồi dùng tài sản này thế chấp vay tiền tại ngân hàng khác để trả nợ cho bà Đoàn Thị V. Do chị không vay được tiền, nên căn nhà tại đường H, thành phố P của cụ Từ Thị L đã được tặng cho ông Nguyễn Ngọc A (chú ruột của chị). Vì vậy, bà Đoàn Thị V yêu cầu ông A và bà Nguyễn Thị L (cô ruột của chị) viết lại giấy mượn tiền đề cùng ngày 13-10-2014 cho hợp lệ. Sau khi bà Nguyễn Thị L vay được tiền, đã trả 730.000.000 đồng cho bà Đoàn Thị V và nhận lại giấy mượn tiền đứng tên ông A. Chị đã yêu cầu bà Đoàn Thị V trả lại giấy mượn tiền đứng tên chị, nhưng bà Đoàn Thị V cố tình không trả và sử dụng giấy này để khởi kiện chị là sai sự thật.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thùy D là bà Hà Thị Ngọc Đ trình bày:

Theo yêu cầu của bà Đoàn Thị V, bà Nguyễn Thị L (em ruột ông Nguyễn Ngọc H) đã trả 730.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Bích V (ở đường P, thành

phố P) và nhận lại giấy mượn tiền đứng tên ông A; tại mặt sau của giấy này có chữ viết ghi “*Vân Cầm*”. Đây chính là chữ do bà Đoàn Thị V viết ra. Ngoài ra, trong tháng 10-2014, có nhiều cuộc điện thoại trao đổi liên quan đến nội dung vay tiền và trả tiền gồm:

- Số điện thoại của bà Đoàn Thị V là 0905.481.247 với số điện thoại của ông Nguyễn Ngọc H là 0945.814.779.

- Số điện thoại của bà Đoàn Thị V là 0905.359.147 với số điện thoại của ông Nguyễn Ngọc H là 0945.814.779.

- Số điện thoại của bà Đoàn Thị V là 0905.481.247 và 0905.359.147 với số điện thoại của chị Nguyễn Thị Thùy D là 01695.713.857

- Số điện thoại của bà Đoàn Thị V là 0905.481.247 và 0905.359.147 với số điện thoại của bà Nguyễn Thị L là 01225.588.148.

- Số điện thoại của bà Nguyễn Thị Bích V là 0963.972.039 và 0903.572.081 với số điện thoại của bà Nguyễn Thị L là 01225.588.148.

- Số điện thoại của bà Nguyễn Thị Bích V: 0963.972.039 và 0903.572.081 với số điện thoại của bà Nguyễn Thị L: 01225.588.148.

- Số điện thoại của bà Hà Thị Ngọc Đ là 0935.213.330 và 0905.359.147 với số điện thoại của bà Nguyễn Thị L: 01225.588.148.

- Số điện thoại của bà Đoàn Thị V là 0905.481.247 và 0905.359.147 với số điện thoại của bà Nguyễn Thị Bích V là 0963.972.039 và 0903.572.081

Bà yêu cầu Tòa án xác minh các cuộc điện thoại đến và đi của các số điện thoại này.

Bà nộp nộp bản photocopy của các tài liệu sau tại phiên tòa sơ thẩm:

- Giấy nộp tiền mặt ngày 29-7-2015; Bảng kê rút vốn ngày 29-7-2015.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2014/667584/HĐTD ngày 28-10-2014; Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba ngày 28-10-2014; Bảng kê rút vốn ngày 28-10-2014; Giấy rút tiền mặt ngày 29-10-2014.

- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thùy D ngày 27-8-2013 và ngày 10-10-2014.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 056760 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 3-1-2014.

Các tài liệu này thể hiện bà Đoàn Thị V có làm thủ tục đáo hạn ngân hàng 2 lần đều liên quan đến tài sản thế chấp là căn nhà tại đường H. Bà Đoàn Thị V đã thu hồi số tiền 730.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2017/DS -ST ngày 21 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 161 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị V.

Buộc chị Nguyễn Thị Thùy D phải trả cho bà Đoàn Thị V số tiền 330.000.000 đồng.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2015/QĐ-BPKCTT ngày 5-3-2015 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí giám định; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp là 5.000.000 đồng theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định số 932/TB-TA ngày 22-9-2016 của Tòa án nhân dân thành phố P; chị Nguyễn Thị Thùy D đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 16.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị V 8.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0004778 ngày 5-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 2-10-2017, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thùy D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

- Bà Hà Thị Ngọc D trình bày:

Sau khi cháu Nguyễn Thị Thùy D viết giấy vay 730.000.000 đồng để bà Đoàn Thị V giữ thì ông Trương Văn C đi cùng ông Nguyễn Ngọc H đến Ngân hàng C chi nhánh Gia Lai để trả nợ. Tại đây, ông C chuyển vài tài khoản của ông H 700.000.000 đồng để ông H trả nợ cho Ngân hàng và tự trả số tiền mặt là 30.000.000 đồng tiền phạt cho Ngân hàng, ông H chỉ ký các thủ tục thanh toán nợ và giải chấp chứ không nhận giấy tờ ở hữu căn nhà số tại đường H, thành phố P; ông Cẩm là người nhận các giấy tờ này tại Ngân hàng ngay lúc đó.

Do bà Đoàn Thị V nói cháu Nguyễn Thị Thùy D còn nhỏ tuổi nên Ngân hàng không cho vay tiền và đề nghị ông H phải nói với cụ Từ Thị L rằng lập thủ tục tặng cho ông Nguyễn Ngọc A căn nhà tại đường H, thành phố P; sau đó, ông A sẽ là người vay tiền Ngân hàng. Do đồng ý với đề nghị của bà Đoàn Thị V nên ngày 14-10-2014, cụ Từ Thị L đã làm thủ tục tặng cho ông A căn nhà tại đường H, thành phố P tại Văn phòng Công chứng X. Sau khi công chứng hợp đồng tặng cho thì tại Văn phòng Công chứng X, bà Đoàn Thị V yêu cầu ông A viết giấy tay vay của bà Đoàn Thị V 730.000.000 đồng theo mẫu “*Giấy mượn tiền*” do bà Đoàn Thị V in sẵn. Nhưng vì ông A bị cụt tay trái nên bà Nguyễn Thị L (em gái ông A) đã điền các thông tin trong *Giấy mượn tiền*, còn ông A chỉ ký tên ở dưới hàng chữ “*người mượn tiền*”. Trong giấy này, bà Nguyễn Thị L điền số 14, 10. 2014 trong hàng chữ “*Pleiku, ngày 14 tháng 10 năm 2014*” nhưng bà Đoàn Thị V không đồng

ý mà bắt bà Nguyễn Thị L phải ghi lại ở phía dưới hàng “*Pleiku, ngày 14 tháng 10 năm 2014*” các số “13-10” để thể hiện rằng ngày ông A vay tiền là ngày 13 tháng 10 năm 2014. Sau này bà nộp “*Giấy mượn tiền*” cho Tòa án và được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 14.

- Ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ông là bố đẻ của cháu Nguyễn Thị Thùy D. Trước đây, ông và vợ là bà Hà Thị Ngọc Đ thường nhờ bà Đoàn Thị V đáo hạn cho các khoản vay mà vợ chồng ông vay tại các Ngân hàng, nên có quen bà Đoàn Thị V.

Khoảng cuối năm 2014, vợ chồng ông nợ của Ngân hàng C, Chi nhánh tỉnh Gia Lai 700.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay này, mẹ đẻ của ông là cụ Từ Thị L đã ủy quyền cho ông dùng tài sản của cụ là căn nhà số tại đường H, thành phố P để thế chấp cho Ngân hàng. Khoảng tháng 10 năm 2014, tuy chưa đến hạn thanh toán nợ cho Ngân hàng, nhưng vì vợ chồng ông muốn vay thêm tiền của Ngân hàng để có vốn làm ăn, nên đã nói sự việc này với bà Đoàn Thị V. Nghe vậy, bà Đoàn Thị V đã nói với vợ chồng ông rằng chỉ có cách là bà Đoàn Thị V cho vợ chồng ông vay 730.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Gia Lai (gồm nợ gốc là 700.000.000 đồng và nợ lãi, tiền phạt là 30.000.000 đồng) nhằm giải chấp đối với tài sản là căn nhà số tại đường H, thành phố P; sau đó, bà Đoàn Thị V sẽ nhờ Ngân hàng khác để họ cho con gái của vợ chồng ông là cháu Nguyễn Thị Thùy D vay khoản tiền lớn hơn và trường hợp này cụ Từ Thị L vẫn phải ủy quyền cho cháu Nguyễn Thị Thùy D thế chấp căn nhà số tại đường H, thành phố P; sau khi cháu D vay được tiền thì vợ chồng ông phải trả 730.000.000 đồng cùng với lãi suất 3%/ ngày.

Vợ chồng ông thấy bà Đoàn Thị V nêu ý kiến như vậy cũng hợp lý, nên đã gọi cháu D từ thành phố Hồ Chí Minh về.

Buổi sáng ngày 13-10-2014, cháu D về đến thành phố P và đã cùng với vợ chồng ông đến nhà bà Đoàn Thị V. Tại nhà của mình, bà Đoàn Thị V không đồng ý cho vợ chồng ông viết giấy vay 730.000.000 đồng mà nói rằng cháu D là người đứng tên vay Ngân hàng, nên cháu D phải viết giấy vay 730.000.000 đồng này để bà Đoàn Thị V giữ. Vợ chồng ông thấy bà Đoàn Thị V nói như vậy hợp lý, nên đã bảo cháu D viết các thông tin trong văn bản có tiêu đề là “*GIẤY MƯỢN TIỀN*” do bà Đoàn Thị V đánh máy và in sẵn. Văn bản này có nội dung là cháu Nguyễn Thị Thùy D có vay của bà Đoàn Thị V 730.000.000 đồng trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày 13-10-2014 với mức lãi thỏa thuận để mua căn nhà số tại đường H, thành phố P của bà nội là bà Từ Thị L. Sau khi cháu D điền các nội dung và ký tên dưới hàng chữ “*người mượn tiền*” tại “*GIẤY MƯỢN TIỀN*”, bà Đoàn Thị V còn yêu cầu ông ký tên ở bên cạnh chữ ký của cháu D. Tòa án đã cho ông xem lại văn bản là “*GIẤY MƯỢN TIỀN*” do bà Đoàn Thị V giao nộp và được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 47, ông xác nhận chữ viết tay, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Thùy D trong văn bản này là do cháu Nguyễn Thị Thùy D viết và ký ra, chữ ký ghi tên Nguyễn Ngọc H là do ông viết và ký ra.

Sau khi cháu Nguyễn Thị Thùy D và ông ký tên trong “*GIẤY MƯỢN TIỀN*” nêu trên và đưa cho bà Đoàn Thị V giữ, thì chồng bà Đoàn Thị V là ông Trương Văn C nói rằng ở nhà ông không có đủ 730.000.000 đồng để đưa cho ông đi trả nợ

cho Ngân hàng, nên đã đề nghị ông cùng đi đến trụ sở Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Gia Lai để ông C rút tiền giao cho ông. Ông đã bảo cháu D đi về nhà, còn ông và ông Trương Văn C đi đến Ngân hàng. Tại Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Gia Lai, ông Trương Văn C đã làm các thủ tục để chuyển khoản từ tài khoản của ông C đến tài khoản của ông 700.000.000 đồng và đưa cho ông 30.000.000 đồng tiền mặt, tổng cộng là 730.000.000 đồng. Ông không biết ông C làm việc với Ngân hàng như thế nào mà phía Ngân hàng tự làm thủ tục để ông trả 730.000.000 đồng và làm thủ tục để trả lại giấy tờ của căn nhà số tại đường H, thành phố P đã thế chấp. Tuy nhiên, ông chỉ ký các giấy tờ thanh toán nợ và ký biên bản nhận lại giấy tờ của căn nhà số tại đường H, thành phố P, còn ông Trương Văn C là người đã giữ luôn các giấy tờ của căn nhà này tại Ngân hàng để vợ chồng ông Trương Văn C làm các thủ tục cho vợ chồng ông vay khoản tiền lớn hơn ở Ngân hàng khác như ông đã trình bày trên.

Sang ngày 14-10-2014, bà Đoàn Thị V nói với ông rằng bà đã hỏi người của Ngân hàng N chi nhánh Gia Lai, nhưng họ trả lời là do cháu Nguyễn Thị Thùy D còn nhỏ tuổi nên họ không cho vay. Bà Đoàn Thị V còn nói với ông là bây giờ về nói với cụ Từ Thị L lập hợp đồng tặng cho em trai của ông là Nguyễn Ngọc A căn nhà số tại đường H, thành phố P, sau đó ông Nguyễn Ngọc A sẽ thế chấp căn nhà này cho Ngân hàng khác là Ngân hàng Đ chi nhánh tỉnh Gia Lai để vay tiền. Ông trình bày sự việc này với mẹ ông thì mẹ ông đồng ý, nên đã đến Văn phòng Công chứng X để công chứng hợp đồng tặng cho ông Nguyễn Ngọc A căn nhà số tại đường H, thành phố P. Lúc này còn có em gái của ông tên là Nguyễn Thị L cùng bà Đoàn Thị V đi theo cụ Từ Thị L và ông Nguyễn Ngọc A đến Văn phòng Công chứng X. Ngay sau khi cụ Từ Thị L ký tên trong hợp đồng tặng cho ông Nguyễn Ngọc A căn nhà số tại đường H, thành phố P thì bà Đoàn Thị V đã gọi Nguyễn Thị L ra ngoài xe đang đậu trước Văn phòng Công chứng X để điền các thông tin trong văn bản có tiêu đề là “GIẤY MƯỢN TIỀN” cũng do bà Đoàn Thị V đánh máy và in sẵn. Văn bản này có nội dung là Nguyễn Ngọc A có vay của bà Đoàn Thị V 730.000.000 đồng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 14-10-2014 với mức lãi thỏa thuận để nhận chuyển nhượng căn nhà số tại đường H, thành phố P của cụ Từ Thị L. Sau khi Nguyễn Thị L điền xong các thông tin tại văn bản thì bà Đoàn Thị V cầm văn bản vào Văn phòng Công chứng X để yêu cầu Nguyễn Ngọc A ký và ghi tên ở dưới hàng chữ “*người mượn tiền*”. Bà Đoàn Thị V còn yêu cầu Nguyễn Thị L ghi lại số 13-10 ở dưới của hàng chữ “*Pleiku, ngày 14 tháng 10 năm 2014*” và ghi thêm chữ “*người làm chứng*” rồi ký, ghi tên Nguyễn Thị L ở bên cạnh chữ ký ghi tên Nguyễn Ngọc A trong “GIẤY MƯỢN TIỀN”.

Tòa án đã cho ông xem lại văn bản là “GIẤY MƯỢN TIỀN” do vợ ông là bà Hà Thị Ngọc Đ giao nộp và được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 95, ông xác nhận chữ viết tay, chữ ký ghi tên Nguyễn Ngọc A trong văn bản này là do ông Nguyễn Ngọc A viết và ký ra, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị L là do em gái ông là Nguyễn Thị L viết và ký ra.

Buổi chiều ngày 14-10-2014, Nguyễn Thị Thùy D gọi điện thoại cho bà Đoàn Thị V để đòi lại văn bản là “GIẤY MƯỢN TIỀN” mà cháu viết và ký tên ngày 13-10-2014 để bà Đoàn Thị V giữ, nhưng bà Đoàn Thị V nói rằng bà đang đi công

việc của bà và sẽ trả lại cho bà Hà Thị Ngọc Đ (mẹ của cháu D). Cháu Nguyễn Thị Thùy D nghe bà Đoàn Thị V nói như vậy thì tin là thật, nên ngày hôm sau cháu D đi luôn vào thành phố Hồ Chí Minh mà không tiếp tục đòi bà Đoàn Thị V phải trả lại văn bản là “GIẤY MƯỢN TIỀN” mà cháu viết và ký tên ngày 13-10-2014.

Sau khi Công chứng viên của Văn phòng Công chứng X công chứng hợp đồng tặng cho căn nhà số tại đường H, thành phố P thì bà Đoàn Thị V nhận luôn văn bản của hợp đồng và tự đi làm các thủ tục để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý ở trang thứ 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 056760 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp với nội dung là cụ Từ Thị L tặng cho Nguyễn Ngọc A toàn bộ đất và nhà ở trên đất tại đường H, thành phố P.

Ngày 28-10-2014, bà Đoàn Thị V gọi điện thoại cho ông nói rằng thủ tục chỉnh lý sang tên Nguyễn Ngọc A đối với nhà và đất tại đường H, thành phố P đã xong và Ngân hàng Đ chi nhánh Gia Lai đã đồng ý cho vay tiền. Khi ông và Nguyễn Ngọc A đến thì bà Đoàn Thị V lại nói rằng Ngân hàng không muốn cho Nguyễn Ngọc A vì Nguyễn Ngọc A bị cụt tay trái. Do đó, bà Đoàn Thị V lại tiếp tục đề nghị Nguyễn Ngọc A phải ủy quyền cho Nguyễn Thị L vay tiền tại Ngân hàng Đ chi nhánh Gia Lai và Nguyễn Ngọc A thế chấp căn nhà số tại đường H, thành phố P để đảm bảo cho Nguyễn Thị L vay tiền. Ông và Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Thị L đồng ý đề nghị này của bà Đoàn Thị V nên Nguyễn Ngọc A đã ủy quyền cho Nguyễn Thị L.

Ngày 29-10-2014, Ngân hàng Đ chi nhánh Gia Lai đã giải ngân cho Nguyễn Thị L khoản tiền 1.000.000.000 đồng. Buổi chiều cùng ngày 29-10-2014 khi Nguyễn Thị L gọi cho bà Đoàn Thị V để trả khoản tiền 730.000.000 đồng thì bà Đoàn Thị V lại nói rằng: Khoản tiền này thực chất là của bà Đoàn Thị V và của bà Nguyễn Thị Bích V cùng góp vào để làm đáo hạn Ngân hàng; tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” do Nguyễn Thị L điền các thông tin và Nguyễn Ngọc A ký tên (được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 95) thì bà Nguyễn Thị Bích V đang giữ.

Bà Đoàn Thị V nói Nguyễn Thị L mang tiền đến trả cho bà Nguyễn Thị Bích V ở đường P, thành phố P. Nghe trả lời qua điện thoại như vậy, nên Nguyễn Thị L đã mang 730.000.000 đồng đến trả cho bà Nguyễn Thị Bích V và bà Nguyễn Thị Bích V đã trả lại tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” do Nguyễn Thị L điền các thông tin và Nguyễn Ngọc A ký tên (được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 95). Ngay sau đó Nguyễn Thị L đã giao lại cho ông tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” do Nguyễn Thị L điền các thông tin và Nguyễn Ngọc A ký tên (được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 95). Nguyễn Thị L có nói với ông rằng đã không yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích V phải viết giấy biên nhận về việc có nhận 730.000.000 đồng vì chỉ nghĩ đơn giản là giao 730.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Bích V và bà Nguyễn Thị Bích V trả lại tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” do Nguyễn Thị L điền các thông tin và Nguyễn Ngọc A ký tên (được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 95) là xong chứ không cần viết giấy biên nhận tiền.

Sau này không thấy bà Đoàn Thị V trả lại cho vợ chồng ông văn bản là “GIẤY MƯỢN TIỀN” do cháu Nguyễn Thị Thùy D viết (được Tòa án nhân dân

thành phố P đóng dấu bút lục số 47) nên vợ chồng ông có nghi ngờ, nhưng không hiểu được ý định của bà Đoàn Thị V; do đó vợ chồng ông đã giữ lại tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” do Nguyễn Thị L điền các thông tin và Nguyễn Ngọc A ký tên (được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 95) và sau này nộp cho Tòa án để Tòa án xem xét.

Ông không thể ngờ được là bà Đoàn Thị V đã sử dụng văn bản là “GIẤY MƯỢN TIỀN” do cháu Nguyễn Thị Thùy D viết (được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 47) để khởi kiện đối với cháu Nguyễn Thị Thùy D.

- Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà là em ruột của ông Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Ngọc A.

Bà được biết là ngày 13-10-2014, cháu Nguyễn Thị Thùy D (con gái của ông Nguyễn Ngọc H) có viết một giấy vay tiền với nội dung là cháu D vay của bà Đoàn Thị V 730.000.000 đồng. Tuy viết như vậy nhưng cháu D không nhận tiền của bà Đoàn Thị V. Thực tế là ông Nguyễn Ngọc H muốn vay 730.000.000 đồng này để trả cho Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Gia Lai nhằm giải chấp đối với tài sản là căn nhà tại đường H, thành phố P; sau khi giải chấp xong thì mẹ của là cụ Từ Thị L sẽ tiếp tục thế chấp căn nhà này ở ngân hàng khác để cho đảm bảo cho cháu D vay tiền và trả 730.000.000 đồng cho bà Đoàn Thị V. Tuy nhiên, do ngân hàng không đồng ý cho cháu D vay tiền, nên bà Đoàn Thị V hướng dẫn rằng chỉ còn cách là bà Từ Thị L tặng cho con trai là Nguyễn Ngọc A căn nhà tại đường H, thành phố P, sau đó ông Nguyễn Ngọc A sẽ thế chấp căn nhà này cho ngân hàng để vay tiền để đưa cho ông Nguyễn Ngọc H và ông H sẽ trả 730.000.000 đồng cho bà Đoàn Thị V. Ngày 14-10-2014, bà Đoàn Thị V dẫn cụ Từ Thị L, ông Nguyễn Ngọc A và bà đến Văn phòng Công chứng X để công chứng hợp đồng tặng cho căn nhà tại đường H, thành phố P. Sau khi cụ Từ Thị L và ông Nguyễn Ngọc A ký tên trong hợp đồng tặng cho nhà ở thì bà Đoàn Thị V gọi bà ra xe ô tô của bà Đoàn Thị V đưa cho bà một tờ giấy có tiêu đề là “GIẤY MƯỢN TIỀN” được đánh máy sẵn và yêu cầu bà điền các thông tin trong mẫu giấy này theo yêu cầu của bà Đoàn Thị V. Bà đã điền các thông tin theo yêu cầu của bà Đoàn Thị V có nội dung là ông Nguyễn Ngọc A vay của bà Đoàn Thị V 730.000.000 đồng trong thời hạn 15 ngày để chuyển nhượng căn nhà tại đường H, thành phố P của cụ Từ Thị L. Trong giấy này bà ghi ngày viết giấy là ngày 14 tháng 10 năm 2014, nhưng bà Đoàn Thị V không đồng ý mà nói bà gạch số 14 trong hàng chữ “Pleiku, ngày 14 tháng 10 năm 2014” rồi ghi ở phía dưới hàng chữ đó số “13-10” để hiểu rằng bà viết giấy này vào ngày 13 tháng 10 năm 2014. Ở phần cuối bà ghi hàng chữ “Người làm chứng” rồi ký tên và ghi tên của mình là Nguyễn Thị L. Viết xong bà cầm giấy này vào Văn phòng Công chứng X đưa cho ông Nguyễn Ngọc A và ông Nguyễn Ngọc A đã ký và ghi tên Nguyễn Ngọc A dưới hàng chữ “*Người mượn tiền (ký tên)*”. Sau khi ký và ghi tên, bà đã đưa giấy này cho bà Đoàn Thị V giữ. Sau này bà Hà Thị Ngọc Đ đã giao nộp “GIẤY MƯỢN TIỀN” nêu trên cho Tòa án và được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 95.

Khoảng mấy ngày sau, bà Đoàn Thị V gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc H để nhắn cho bà và ông Nguyễn Ngọc A đi đến nhà bà Nguyễn Thị Bích V ở tại đường P, thành phố P (hay gọi là địa điểm xe Thuận Ý). Tại nhà bà Nguyễn Thị Bích V,

bà Đoàn Thị V đã nói với bà và ông Nguyễn Ngọc A rằng đã bàn giao tờ giấy mượn tiền mà bà viết, ông Nguyễn Ngọc A ký và ghi tên Nguyễn Ngọc A dưới hàng chữ “*Người mượn tiền (ký tên)*” cho bà Nguyễn Thị Bích V, sau này ông Nguyễn Ngọc A cứ gặp và trả 730.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Bích V.

Trước đó, bà không biết bà Bích Vân là ai, nhưng sau khi viết giấy vay giúp cho ông A xong thì bà Vân có yêu cầu bà và ông A đến nhà bà Bích Vân và yêu cầu khi vay được tiền thì trả cho bà Bích Vân.

Sau khi vay được ngân hàng, bà có gọi điện cho bà Đoàn Thị V và hỏi “bây giờ em trả tiền ở đâu?” thì bà Đoàn Thị V nói “em lại chỗ chị Bích V Thuận Ý trả tiền và tính toán tại đó”. Bà đã đến chỗ bà Bích V trả tiền thay cho số nợ của cháu D. Qua ngày hôm sau bà Đoàn Thị V có gọi điện thoại cho bà yêu cầu xem giấy nợ của ông Nguyễn Ngọc A, nhưng bà không đưa mà bảo là xé rồi. Sau đó bà đưa lại giấy nợ cho bà Đ.

Sau khi đã chỉnh lý sang tên căn nhà tại đường H, thành phố P mang tên ông Nguyễn Ngọc A thì ông A đã ủy quyền cho bà được vay tiền ở Ngân hàng Đ chi nhánh Gia Lai.

Ngày 29-10-2014, Ngân hàng Đ chi nhánh Gia Lai cho bà vay 1.000.000.000 đồng. Đến buổi chiều hôm đó, bà gọi điện thoại cho bà Đoàn Thị V thì bà Đoàn Thị V nói bà đến trả 730.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Bích V như bà đã khai trên đây. Nghe vậy, bà đã cầm 730.000.000 đồng và gần 18.000.000 đồng tiền lãi đến giao cho bà Nguyễn Thị Bích V tại đường H, thành phố P. Bà Nguyễn Thị Bích V nhận 730.000.000 đồng và gần 18.000.000 đồng tiền lãi do bà giao rồi đưa lại cho bà tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN”. Bà cầm giấy này về đưa cho bà Hà Thị Ngọc Đ giữ, sau này bà Đ đã giao nộp cho Tòa án và được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 95 như bà đã trình bày trên.

Như vậy, theo bà thì cháu Nguyễn Thị Thùy D có viết giấy vay 730.000.000 đồng để bà Đoàn Thị V giữ, nhưng cháu D không nhận khoản tiền này của bà Đoàn Thị V.

Do bà nghĩ bà Nguyễn Thị Bích V trả lại tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” là xong, nên bà không yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích V viết giấy biên nhận đối với 730.000.000 đồng và gần 18.000.000 đồng tiền lãi. Lúc đó chỉ có bà và bà Nguyễn Thị Bích V, nên không có ai chứng kiến sự việc bà giao 730.000.000 đồng và gần 18.000.000 đồng tiền lãi cho bà Nguyễn Thị Bích V.

Bà không phải là người viết chữ “Vân Cầm” ở mặt sau của tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” (được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 95) và cũng không biết ai là người viết chữ “Vân cầm” ở mặt sau của tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” (được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 95).

- Ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Ông là em ruột của ông Nguyễn Ngọc H và anh ruột của bà Nguyễn Thị L.

Ông được biết là ngày 13-10-2014, cháu Nguyễn Thị Thùy D (con gái của ông Nguyễn Ngọc H) có viết một giấy vay tiền với nội dung là cháu D có vay của bà Đoàn Thị V 730.000.000 đồng. Tuy viết như vậy nhưng cháu D không nhận tiền của bà Đoàn Thị V. Thực tế là ông Nguyễn Ngọc H muốn vay 730.000.000 đồng này để trả cho Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Gia Lai nhằm giải chấp đối với tài sản

là căn nhà tại đường H, thành phố P; sau khi giải chấp xong thì mẹ của ông là cụ Từ Thị L sẽ tiếp tục thế chấp căn nhà này ở Ngân hàng khác để đảm bảo cho cháu D vay và trả 730.000.000 đồng cho bà Đoàn Thị V. Tuy nhiên, do Ngân hàng không đồng ý cho cháu D vay tiền nên bà Đoàn Thị V đã hướng dẫn rằng chỉ còn cách cụ Từ Thị L tặng cho ông căn nhà tại đường H, thành phố P, sau đó ông sẽ thế chấp căn nhà này cho ngân hàng để vay tiền đưa cho ông Nguyễn Ngọc H và ông H sẽ trả 730.000.000 đồng cho bà Đoàn Thị V. Ngày 14-10-2014, bà Đoàn Thị V dẫn cụ Từ Thị L, bà Nguyễn Thị L và ông đến Văn phòng Công chứng X để công chứng hợp đồng tặng cho căn nhà tại đường H, thành phố P. Sau khi ông và mẹ ông (cụ Từ Thị L) ký tên trên hợp đồng tặng cho thì bà Đoàn Thị V gọi bà Nguyễn Thị L ra xe ô tô của bà Đoàn Thị V. Ông không biết hai bên đã thỏa thuận và trao đổi về việc gì trong xe ô tô mà chỉ thấy một lúc sau thì bà Nguyễn Thị L đưa cho ông một tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” do bà Nguyễn Thị L điền các thông tin và ký tên dưới hàng chữ người làm chứng; bà Nguyễn Thị L giải thích cho ông rằng tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” này thay thế cho tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” mà cháu D đã ký mượn 730.000.000 đồng của bà Đoàn Thị V, nên bà Nguyễn Thị L yêu cầu ông ký và ghi tên dưới hàng chữ “*Người mượn tiền (ký tên)*” của tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” do bà Nguyễn Thị L điền các thông tin. Ông đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị L vừa nói nên đã ký và ghi tên “*Nguyễn Ngọc A*” dưới hàng chữ “*Người mượn tiền (ký tên)*” của tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” đó. Sau đó bà Nguyễn Thị L đã đưa giấy này cho bà Đoàn Thị V giữ. Sau này, bà Hà Thị Ngọc Đ đã giao nộp tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” nêu trên cho Tòa án và được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 95.

Sau khi ông và cụ Từ Thị L ký xong hợp đồng tặng cho thì ông không nghe nói gì về việc làm thủ tục chính lý sang tên Nguyễn Ngọc A đối với nhà và đất tại đường H, thành phố P. Bà Đoàn Thị V là người tự đi làm và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được chính lý sang tên ông đối với nhà và đất tại đường H, thành phố P.

Sau đó, sự việc xảy ra như thế nào thì ông không chứng kiến. Ông chỉ nghe nói lại là mấy ngày sau bà Đoàn Thị V gọi điện thoại cho ông Nguyễn Ngọc H để nhắc ông và bà Nguyễn Thị L đến nhà bà Nguyễn Thị Bích V ở tại đường P, thành phố P (hay gọi là địa điểm xe Thuận Ý) để trả 730.000.000 đồng vì bà Đoàn Thị V đã đưa tờ giấy mượn tiền mà ông ký và ghi tên Nguyễn Ngọc A dưới hàng chữ “*Người mượn tiền (ký tên)*” cho bà Nguyễn Thị Bích V, yêu cầu ông và bà Nguyễn Thị L đến nhà bà Nguyễn Thị Bích V gặp và trả 730.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Bích V.

Do ông đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L, nên bà Loan đã đi nhận tiền ở Ngân hàng và tự mình đến nhà bà Nguyễn Thị Bích V để trả 730.000.000 đồng và lấy lại tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” do ông ký và ghi tên Nguyễn Ngọc A dưới hàng chữ “*Người mượn tiền (ký tên)*” mà không lấy lại tờ “GIẤY MƯỢN TIỀN” mà cháu D đã viết, cũng không yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích V viết giấy biên nhận. Sau đó, bà Nguyễn Thị L đã giao “GIẤY MƯỢN TIỀN” do ông ký và ghi tên Nguyễn Ngọc A dưới hàng chữ “*Người mượn tiền (ký tên)*” cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H.

Như vậy, theo ông thì cháu Nguyễn Thị Thùy D có viết giấy vay 730.000.000 đồng để bà Đoàn Thị V giữ, nhưng cháu D không nhận khoản tiền này của bà Đoàn Thị V.

- Bà Nguyễn Thị Bích V trình bày:

Bà không quen biết và không có bất kỳ quan hệ nào với ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị L, nên không có sự việc bà Nguyễn Thị L đến nhà bà để giao 730.000.000 đồng. Lời khai của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị L là không đúng sự thật. Bà không phải là người viết chữ “Vân Cầm” ở mặt sau của tài liệu có tiêu đề “GIẤY MƯỢN TIỀN” được Tòa án nhân dân thành phố P đóng dấu bút lục số 95.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày, bà không cho ông Nguyễn Ngọc A vay tiền, bà cũng không nên bà không biết và không liên quan gì đến tờ giấy mượn tiền đề ngày 13-10-2014 mà bà Đ giao nộp cho Tòa án. Trong vụ án này, sở dĩ bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị D phải trả 330.000.000 đồng vì tại thời điểm bà khởi kiện, tài sản của chị D chỉ có giá trị khoảng 300.000.000 đồng; nếu khởi kiện đòi 730.000.000 đồng thì bà phải nộp số tiền tạm ứng án phí lớn hơn, trong khi bà đang khó khăn và khả năng thi hành án của chị D thì không có đủ để trả cho bà 730.000.000 đồng.

- Bà Hà Thị Ngọc Đ giữ kháng cáo của bị đơn.

- Ông Trương Văn C trình bày:

Việc vợ ông là bà Đoàn Thị V cho vợ chồng ông H, bà Đ hay chị D vay tiền như thế nào thì ông không biết, vì đây không phải là công việc của ông. Thực ra, ngày 13-10-2014, bà Đoàn Thị V giao cho chị D 730.000.000 đồng tại nhà ông, lúc đó có cả ông H ở đó chứng kiến việc chị D viết giấy mượn tiền. Ông còn thấy việc ông H ký tên vào giấy mượn tiền do chị D viết để vợ ông giữ. Vợ ông giao 730.000.000 đồng cho chị D bằng hình thức là giao thành từng cục chứ không phải là giao từng tờ tiền. Theo ông, việc chị D vay tiền như vậy đã hoàn thành. Tuy nhiên, sau khi chị D đếm đủ các cục tiền và cộng thành 730.000.000 đồng thì vợ ông còn bảo ông dùng xe ô tô của ông chở cả chị D, ông H đến chi nhánh Gia Lai của Ngân hàng C để nhờ đếm lại bằng máy đếm tiền vì vợ ông lo rằng trong mỗi cục tiền có thể bị thiếu. Sau khi ông và chị D, ông H đếm lại bằng máy đếm tiền tại chi nhánh Gia Lai của Ngân hàng C, thấy số tiền 730.000.000 đồng cho chị D vay đã đủ, ông đi về ngay.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đoàn Thị V khởi kiện cho rằng chị Nguyễn Thị Thùy D đã vay của bà 730.000.000 đồng, nhưng chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả 330.000.000 đồng vì tài sản để đảm bảo việc thi hành án của bị đơn chỉ tương đương 300.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn giao nộp

cho Tòa án một “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 13-10-2014, có nội dung thể hiện ngày 13-10-2014, chị Nguyễn Thị Thùy D vay của bà Đoàn Thị V 730.000.000 đồng với thời hạn vay là 7 ngày, lãi suất do hai bên thỏa thuận để mua căn nhà tại đường H, thành phố P của cụ Từ Thị L (bút lục số 47).

Tại giấy này có chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Thùy D dưới hàng chữ “*người mượn tiền (ký tên)*” và chữ ký ghi tên Nguyễn Ngọc H. Tham gia tố tụng, chị D và bà Đ thừa nhận các chữ viết và chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Thùy D trong giấy này là do chị Nguyễn Thị Thùy D ký và viết ra; ông Nguyễn Ngọc H cũng thừa nhận chữ ký ghi tên Nguyễn Ngọc H trong giấy này là do ông ký và viết ra.

Như vậy, có cơ sở để khẳng định, ngày 13-10-2014, chị Nguyễn Thị Thùy D xác lập hợp đồng để vay của bà Đoàn Thị V 730.000.000 đồng, hợp đồng này có thời hạn và có lãi.

[2] Chị D và bà Đ trình bày: Chị D không nhận số tiền 730.000.000 đồng mà chị ghi đã vay bà Đoàn Thị V trong “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 13-10-2014, nhưng khoản tiền này đã được chuyển thành khoản vay 730.000.000 đồng trong “*Giấy mượn tiền*” cũng đề ngày 13-10-2014 do bà Nguyễn Thị L viết và ông Nguyễn Ngọc A ký, ghi tên dưới hàng chữ “*người mượn tiền (ký tên)*”; theo yêu cầu của bà Đoàn Thị V thì bà Nguyễn Thị L đã trả 730.000.000 đồng này cho bà Đoàn Thị V thông qua bà Nguyễn Thị Bích V; sau khi trả 730.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị L đã nhận lại “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 13-10-2014 mà ông A ký tên dưới hàng chữ “*người mượn tiền (ký tên)*” và bà Đ đã nộp giấy này cho Tòa án xem xét (bút lục số 95); còn “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 13-10-2014 do chị D viết thì bà Đoàn Thị V không trả lại cho chị D.

Tuy khai như vậy, nhưng chị D và bà Đ không xuất trình được chứng cứ chứng minh của mình là đúng sự thật. Mặt khác, bà Đoàn Thị V trình bày, bà không cho ông Nguyễn Ngọc A vay tiền. Do đó, các lời khai trên của chị D và bà Đ là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Bà Đ trình bày: Ông Trương Văn C (*chồng bà Đoàn Thị V*) là người nhận các giấy tờ sở hữu căn nhà số tại đường H, thành phố P từ Ngân hàng C, chi nhánh Gia Lai.

Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ tại Ngân hàng C - Chi nhánh Gia Lai theo yêu cầu của Điệp. Thế nhưng, tại Công văn số 43/CV-CNGL ngày 26-4-2018, Ngân hàng C, chi nhánh Gia Lai khẳng định, ông Nguyễn Ngọc H là người ký nhận lại tài sản thế chấp là giấy tờ sở hữu căn nhà tại đường H, thành phố P chứ không phải là ông Trương Văn C.

Như vậy, lời khai của bà Đ về vấn đề này là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Bà Đ trình bày: Cuộc hội thoại giữa số điện thoại 01695.571.3857 với số điện thoại số 0905.359.147 vào ngày 14 và ngày 15 tháng 10 năm 2014 có nội dung chị D đòi bà Đoàn Thị V trả lại “*Giấy mượn tiền*” mà chị D viết ngày 13-10-2014.

Tòa án đã đề nghị Tập đoàn viễn thông quân đội, Chi nhánh Gia Lai cung cấp thông tin theo yêu cầu của bà Đ. Thế nhưng, tại Công văn số 609/GLI-CT ngày 18-8-2018, Tập đoàn viễn thông quân đội, Chi nhánh Gia Lai đã trả lời rằng họ không thể cung cấp thông tin về cuộc hội thoại giữa hai số điện thoại nêu trên,

vì hệ thống dữ liệu chỉ lưu trữ các cuộc gọi và tin nhắn trong thời gian 6 tháng gần nhất.

Mặt khác, bà Đoàn Thị V trình bày, số tiền 730.000.000 đồng mà chị D vay của bà không phải là khoản tiền 730.000.000 đồng ghi trong “*Giấy mượn tiền*” (bút lục số 95) do bà Đ giao nộp, không có sự việc chị D gọi điện thoại đòi bà trả lại “*Giấy mượn tiền*” do chị D viết ngày 13-10-2014.

Như vậy, lời khai của bà Điệp về vấn đề này là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Những người làm chứng do phía bị đơn yêu cầu Tòa án đưa vào tham gia tố tụng là ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị L đều không xuất trình được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai của mình là đúng sự thật.

Mặt khác, người làm chứng là bà Nguyễn Thị Bích V trình bày, bà không quen biết và không nhận 730.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị L đã khai. Do đó, lời khai của ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị L là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Các tình tiết trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ngày 13-10-2014 chị Nguyễn Thị Thùy D có vay của bà Đoàn Thị V 730.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Thùy D không trả khoản nợ này cho bà Đoàn Thị V khi đến hạn, nên đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 330.000.000 đồng nợ gốc và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt của đương sự.

[7] Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo, nên chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là chị Nguyễn Thị Thùy D; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2017/DS -ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai:

- Áp dụng khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị V.

Buộc chị Nguyễn Thị Thùy D phải trả cho bà Đoàn Thị V 330.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền

còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2015/QĐ-BPKCTT ngày 5-3-2015 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Buộc chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu chi phí giám định là 5.000.000 đồng; nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp là 5.000.000 đồng theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định số 932/TB-TA ngày 22-9-2016 của Tòa án nhân dân thành phố P; chị Nguyễn Thị Thùy D đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

Bà Đoàn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị V 8.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0004778 ngày 5-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Buộc chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 16.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0003636 ngày 6-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; chị Nguyễn Thị Thùy D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố P;
- Chi cục THA dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tiến Dũng

